TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27/7/2018
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Võ Thanh Hải – Cán bộ hưu trí;

2/- Ông Trần Văn Tám - Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa*: Ông Võ Phong Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.*

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 160/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2018, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1/- Nguyên đơn: **Trương Văn G**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2/- Bị đơn: **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Anh G có mặt tại phiên tòa, chị T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2018 và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy của nguyên đơn Trương Văn G trình bày: anh và chị Nguyễn Thị T chung sống và kết hôn vào ngày 08/10/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phú. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên gây cãi nên đã ly thân từ hơn một năm nay.

- Về con chung: không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Anh G yêu cầu Tòa án giải quyết: chấp nhận cho anh được ly hôn với Nguyễn Thị T.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị T không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ.

* Tại phiên tòa: Anh Trương Văn G giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị Nguyễn Thị T vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị T là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Giữa anh Trương Văn G và chị Nguyễn Thị T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân Phú cấp giấy chứng nhận kết hôn số 32/2015 ngày 08/10/2015.

Theo trình bày của anh Trương Văn G tại phiên tòa xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do chị T không thông cảm công việc của anh mà ghen tuông vô cớ với những lời lẽ khó nghe, hai bên đã ly thân nhau hơn một năm nay không hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án chấp nhận cho anh được ly hôn với chị T.

Sau khi nhận được các thông báo về việc thụ lý vụ án cho đến khi Tòa án triệu tập để hòa giải, chị T không có văn bản phản đối yêu cầu của Anh G, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử xem như lời trình bày của Anh G về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng là có căn cứ.

Thấy rằng: Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa Anh G và chị T thực tế có phát sinh nên anh chị đã ly thân với nhau; chị T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết từ lúc hòa giải đến phiên tòa xét xử chứng tỏ chị không còn quan tâm đến tình trạng hôn nhân giữa chị và Anh G.

Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa Anh G và chị T không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của Anh G là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Anh G xác định giữa anh và chị T không có con chung, chị T không có ý kiến phản đối nên Hội đồng xét xử ghi nhận lời trình bày của Anh G và không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh G xác định giữa anh và chị T không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

.

[5]. Về án phí: Anh G phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào:**

- Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Trương Văn G được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

2.Về án phí: Anh G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai thu số 01520 ngày 04/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên Anh G không phải nộp tiếp tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Anh G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh Tiền Giang;
-VKSND TX Cai Lậy;
- Chi cục THADS TX Cai Lậy;
- UBND xã Tân Phú, TX Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

HỒ THỊ ÁNH TUYẾT